

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/9/2019.

V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Thử.

2. Ông Trương Thoại Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Vũ T, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2019, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Hồ Vũ Trường trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2016; anh và chị T không có con chung. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay; tài sản chung, nợ chung không có.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; con chung không có; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thanh T:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Hồ Vũ T và chị Nguyễn Thanh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2016, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên anh, chị không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa anh T cương quyết xin ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh T và chị T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên anh T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Hồ Vũ T** và **chị Nguyễn Thanh T**.
- Về con chung: Anh T và chị T không có con chung nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0006858 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thiện Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc